TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST.
Ngày 12/12/2024.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Hồng N: Anh Trần Minh N1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 16/6/2023).Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Kim Thanh M, sinh năm 1974 (tên thường gọi là Bé). Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Kim Thanh M: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 11/12/2024).Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Minh N1 trình bày:

Vào năm 2021 đến năm 2023, chị Phạm Thị Hồng N có cho chị Kim Thanh M vay số tiền là 98.500.000 đồng (chị N cho chị M vay nhiều lần). Chị M là người trực tiếp nhận tiền của chị N, khi vay thì không có viết biên nhận, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 03phân/tháng nhưng chị M không có đóng lãi cho chị N. Chị N đã nhiều lần yêu cầu chị M trả số tiền trên cho chị N nhưng chị M không thực hiện mà cứ hứa hoài. Sau đó chị M và chị N cộng gốc và lãi thì chị N mới viết biên nhận nợ cho chị M ký tên nợ chị N số tiền 188.500.000 đồng. Trước đây chị Phạm Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết buộc chị Kim Thanh M phải trả số tiền đã vay là 188.500.000 đồng cho chị N. Nay chị N xin thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho chị N số tiền gốc là 98.500.000, chị N không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Kim Thanh M ủy quyền anh Nguyễn Minh Đ1 trình bày: Vào khoảng 2021 đến năm 2024, vợ anh tên Kim Thanh M (tên thường gọi là B), sinh năm 1974. Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C có vay tiền của chị Phạm Thị Hồng N nhiều lần với tổng số tiền là 98.500.000 đồng, lãi suất vay là 15% tháng đóng được 13 -14 tháng thì ngưng đóng lãi cho chị N. Việc đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì, việc vợ anh vay tiền của chị N thì anh có biết và mục đích vay tiền là để làm ăn trong gia đình nhưng do thua lỗ nên không có tiền trả. Khi chị N khởi kiện thì anh có thông báo cho vợ anh biết việc chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả tiền thì vợ anh thừa nhận là có của nợ chị Phạm Thị Hồng N số tiền gốc là 98.500.000 đồng, chữ ký trong biên nhận nợ chị N cung cấp là chữ ký của vợ anh nhưng bao gồm gốc và lãi chứ không phải tiền gốc không. Nay chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 98.500.000 đồng thì anh đồng ý trả số tiền là 98.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh xin trả dần. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày trên, không có ý kiến bổ sung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải trả số tiền gốc 98.500.000 đồng cho chị N. Đương sự không yêu cầu gì đối với phần lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị M và anh Đ1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Thị Hồng N khởi kiện buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải trả số tiền gốc 98.500.000 đồng cho chị N. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải trả số tiền gốc 98.500.000 đồng cho chị N. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 20/02/2023 (bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Kim Thanh M ủy quyền cho anh Nguyễn Minh Đ1 trình bày:

Anh thừa nhận vào khoảng 2021 đến năm 2024, vợ anh tên Kim Thanh M (tên thường gọi là B), sinh năm 1974. Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C có vay tiền của chị Phạm Thị Hồng N nhiều lần với tổng số tiền là 98.500.000 đồng, việc vợ anh vay tiền của chị N thì anh có biết và mục đích vay tiền là để làm ăn trong gia đình nhưng do thua lỗ nên không có tiền trả, chữ ký trong biên nhận nợ chị N cung cấp là chữ ký của vợ anh nhưng bao gồm gốc và lãi chứ không phải tiền gốc không. Nay chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền gốc 98.500.000 đồng ý thì anh đồng ý trả số tiền là 98.500.000 đồng theo yêu cầu của chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày trên, không có ý kiến bổ sung.

Xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền đề 20/02/2023 (bản chính) do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của anh N1 là người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn cùng lời trình bày của anh Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của chị Kim Thanh M là anh Nguyễn Văn Đ đã chứng minh được chị Kim Thanh M có vay số tiền 98.500.000 đồng của chị Phạm Thị Hồng N. Mục đích vay tiền của chị M là để làm ăn trong gia đình nhưng do thua lỗ nên không có tiền trả cho chị N. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N cùng anh Đ và người đại diện theo ủy quyền của chị M là anh Đặng Đ2 trình bày do quá trình vay tiền chị M không đóng lãi và trả nợ gốc cho chị N nên chị N viết biên nhận nợ số tiền 188.500.000 đồng (bao gồm gốc 98.500.000 đồng và lãi) cho chị M ký tên vào biên nhận.

Căn cứ vào biên nhận nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cùng lời trình bày của anh Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của chị Kim Thanh M là anh Nguyễn Văn Đ, cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện vào khoảng năm 2021 đến năm 2024, chị Kim Thanh M có vay tiền của chị Phạm Thị Hồng N số tiền gốc là 98.500.000 đồng. Khi vay tiền thì chị M là người trực tiếp nhận tiền, anh Đ không có nhận tiền từ chị N, anh Đ trình bày mục đích vay tiền của chị M là để làm ăn trong gia đình nhằm chăm lo cho đời sống, kinh tế trong gia đình và thống nhất cùng chị M trả số tiền 98.500.000 đồng cho chị N. Từ khi vay đến nay, chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Văn Đ không có trả gốc cho chị Phạm Thị Hồng N nên chị N khởi kiện yêu cầu chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Văn Đ trả số tiền gốc 98.500.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng N buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc 98.500.000 đồng cho chị N.

- *Về lãi suất:* Anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của chị Kim Thanh M trình bày lãi suất chị Phạm Thị Hồng N cho vay là 15% tháng, chị M đã đóng lãi cho chị N được 13 -14 tháng thì ngưng đóng lãi tuy nhiên việc đóng lãi không có làm giấy tờ gì nên không có tài liệu chứng cứ để cung cấp Tòa án. Nguyên đơn không thừa nhận việc này. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng anh Đ và người đại diện theo ủy quyền của chị M là anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu gì đối với phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ánHội đồng xét xử buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng N.

Buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải trả cho chị Phạm Thị Hồng N số tiền gốc là 98.500.000 đồng. Đương sự không yêu cầu gì đối với phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc chị Kim Thanh M và anh Nguyễn Minh Đ1 phải chịu 4.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Hồng N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí là 4.712.500 đồng theo biên lai số 0011290, ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà